

Số: 186 /XN-DP

## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 0159.20



VILAS 537

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Người lấy mẫu : YS. Luân

Địa điểm lấy mẫu : Xí nghiệp cấp nước Phú Lợi, Số 180 Phú Lợi, phường 2, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 11/3/2020

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ)

Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 500mL x 2

Ngày nhận mẫu : 11/03/2020

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hoá chất cố định.

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu                                              | Phương pháp                                           | Kết quả             | Tiêu chuẩn          | Ngày xét nghiệm |
|-----|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|-----------------|
| 1   | Coliforms tổng số (CFU/100mL)                         | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)                             | 0                   | 0                   | 12/03/2020      |
| 2   | Escherichia coli (CFU/100mL)                          | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)                             | 0                   | 0                   | 12/03/2020      |
| 3   | Chỉ số pecmanganat (mg/L)                             | TCVN 6186- 1996 (*)                                   | 0,48                | 2                   | 12/03/2020      |
| 4   | Clo dư (mg/L)                                         | SMEWW 4500 - Cl F-2012                                | 0,43                | 0,3 - 0,5           | 12/03/2020      |
| 5   | Clorua (mg/L)                                         | SMEWW 4500 -Cl <sup>-</sup> B - 2012 (*)              | 128,00              | 250,00              | 12/03/2020      |
| 6   | Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO <sub>3</sub> (mg/L) | SMEWW 2340C - 2012 (*)                                | 152,00              | 300,00              | 12/03/2020      |
| 7   | Độ đục (NTU)                                          | SMEWW 2130B - 2012                                    | 0,31                | 2                   | 12/03/2020      |
| 8   | Độ màu (màu sắc) (TCU)                                | SMEWW 2120C - 2012 (*)                                | 2,44                | 15                  | 12/03/2020      |
| 9   | Mangan tổng số (mg/L)                                 | SMEWW 3500 Mn - B - 2012 (*)                          | 0,05                | 0,3                 | 12/03/2020      |
| 10  | Mùi vị                                                | Cảm quan                                              | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | 12/03/2020      |
| 11  | Nitrate (mg/L)                                        | TCVN 6180- 1996                                       | 0,81                | 50                  | 12/03/2020      |
| 12  | Nitrite (mg/L)                                        | SMEWW 4500- NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> B - 2012 (*) | Không phát hiện     | 3                   | 12/03/2020      |
| 13  | pH                                                    | TCVN 6492:2011 (*)                                    | 7,40                | 6,5 - 8,5           | 12/03/2020      |
| 14  | Sắt tổng cộng (mg/L)                                  | SMEWW 3500 Fe - B - 2012                              | 0,16                | 0,3                 | 12/03/2020      |
| 15  | Sulphat (mg/L)                                        | SMEWW 427 C - 2012                                    | 135,6               | 250                 | 12/03/2020      |

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Mã số mẫu: 0159.20

| Stt | Chỉ tiêu | Phương pháp | Kết quả | Tiêu chuẩn | Ngày xét nghiệm |
|-----|----------|-------------|---------|------------|-----------------|
|-----|----------|-------------|---------|------------|-----------------|

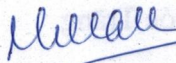
Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ) được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01/2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

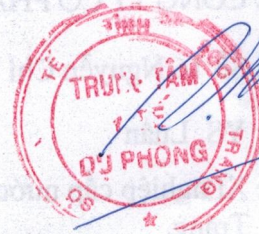
Sóc Trăng, ngày 20 tháng 3 năm 2020

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

GIÁM ĐỐC



ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN



BS. Nguyễn Đình Thanh Liêm

| Stt | Chỉ tiêu                                             | Phương pháp                                 | Kết quả         | Tiêu chuẩn | Ngày xét nghiệm |
|-----|------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------|------------|-----------------|
| 1   | Coliform tổng số (CFU/100ml)                         | ISO 9308 - 12014 (B)                        | 0               | 0          | 12/03/2020      |
| 2   | Escherichia coli (E. coli) (CFU/100ml)               | ISO 9308 - 12014 (E)                        | 0               | 0          | 12/03/2020      |
| 3   | Chỉ số bacteriological (mg/L)                        | TCVN 6188 - 1996 (C)                        | 0,48            | 2          | 12/03/2020      |
| 4   | Clorua (mg/L)                                        | SM/WW 4200 - C1-2012                        | 0,43            | 0,3 - 0,5  | 12/03/2020      |
| 5   | Clorua (mg/L)                                        | SM/WW 4200 - C1-2012                        | 128,00          | 250,00     | 12/03/2020      |
| 6   | Độ cứng tổng cộng tính theo CaCO <sub>3</sub> (mg/L) | SM/WW 2340C - 2012 (C)                      | 122,00          | 300,00     | 12/03/2020      |
| 7   | Độ đục (NTU)                                         | SM/WW 2130B - 2012                          | 0,31            | 2          | 12/03/2020      |
| 8   | Độ màu (màu độ) (PCU)                                | SM/WW 2150C - 2012 (C)                      | 2,44            | 12         | 12/03/2020      |
| 9   | Phosphat tổng số (mg/L)                              | SM/WW 3500 Mn - B - 2012 (C)                | 0,08            | 0,5        | 12/03/2020      |
| 10  | Muriat (mg/L)                                        | TCVN 6180 - 1996                            | 0,81            | 50         | 12/03/2020      |
| 11  | Nitrat (mg/L)                                        | SM/WW 4500 - NO <sub>3</sub> - B - 2012 (C) | Không phát hiện | 3          | 12/03/2020      |
| 12  | Nitrit (mg/L)                                        | TCVN 6182-2011 (C)                          | 7,40            | 0,5 - 0,5  | 12/03/2020      |
| 13  | Sắt tổng cộng (mg/L)                                 | SM/WW 3500 Fe - B - 2012                    | 0,16            | 0,5        | 12/03/2020      |
| 14  | Đồng (mg/L)                                          | SM/WW 437 C - 2012                          | 122,4           | 250        | 12/03/2020      |

Số: 188 /XN-DP

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 0160.20



VILAS 537

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Người lấy mẫu : YS. Luân

Địa điểm lấy mẫu : 263/41 Phú Lợi, khóm 3, phường 2, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 11/3/2020

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN ( TRÊN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC )

Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 500mL x 2

Ngày nhận mẫu : 11/03/2020

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hoá chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu                      | Phương pháp               | Kết quả             | Tiêu chuẩn          | Ngày xét nghiệm |
|-----|-------------------------------|---------------------------|---------------------|---------------------|-----------------|
| 1   | Coliforms tổng số (CFU/100mL) | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*) | 0                   | 0                   | 12/03/2020      |
| 2   | Escherichia coli (CFU/100mL)  | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*) | 0                   | 0                   | 12/03/2020      |
| 3   | Chỉ số pecmanganat (mg/L)     | TCVN 6186- 1996 (*)       | 0,4                 | 2                   | 12/03/2020      |
| 4   | Clo dư (mg/L)                 | SMEWW 4500 - Cl F-2012    | 0,3                 | 0,3 - 0,5           | 12/03/2020      |
| 5   | Độ đục (NTU)                  | SMEWW 2130B - 2012        | 0,33                | 2                   | 12/03/2020      |
| 6   | Độ màu (màu sắc) (TCU)        | SMEWW 2120C - 2012 (*)    | 3,62                | 15                  | 12/03/2020      |
| 7   | Mùi vị                        | Cảm quan                  | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | 12/03/2020      |
| 8   | Sắt tổng cộng (mg/L)          | SMEWW 3500 Fe - B - 2012  | 0,13                | 0,3                 | 12/03/2020      |

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN ( TRÊN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC ) được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01/2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

Sóc Trăng, ngày 20 tháng 3 năm 2020

GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN



TS. Nguyễn Đình Thanh Liêm